TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08-01-2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Lê Đức Dũng
2. bà Lại Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 329/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Võ Hùng D, sinh năm: 1990; nghề nghiệp: công nhân; nơi đăng ký thường trú và cư trú: số 257, tổ C, ấp B, xã T, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: chị Bùi Thị T, sinh năm: 1988; nghề nghiệp: công nhân; nơi đăng ký thường trú: số 257, tổ C, ấp B, xã T, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên lạc: Công ty AP - khu phố PV, phường PB, thị xã P, tỉnh Bình Phước. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Võ Hùng D trình bày: anh và chị Bùi Thị T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào tháng 10 năm 2012. Đây là lần kết hôn đầu tiên của cả hai người. Sau khi cưới, vợ chồng thuê nhà trọ ở Bình Phước để chung sống nhằm thuận tiện cho việc làm công nhân; cuộc sống chung hạnh phúc khoảng hơn 02

năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều điểm không hợp, không hiểu nhau nên thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống gia đình ngột ngạt. Ngoài ra, thời gian sau này anh phát hiện ra chị T không chung thủy với anh nên vợ chồng đã ly thân. Nay anh thấy rằng không thể tiếp tục chung sống với chị T được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Võ Bùi Ngọc C, sinh ngày 08/10/2012; anh yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc C đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu C. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2020 của bị đơn chị Bùi Thị T thể hiện: chị thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã và từ đầu năm 2020 đã không còn chung sống với nhau; nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh D thường xuyên nhậu nhẹt và uống rượu rất nhiều, chị khuyên anh D bỏ rượu nhưng anh D không nghe theo. Mặc dù biết rằng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nhưng chị không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm vợ chồng. Về con chung: chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Bùi Ngọc C, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định không có nên không đặt ra yêu cầu.

Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành xác minh, thu thập được các tài liệu, chứng cứ: biên bản lấy lời khai của anh D, chị T và cháu Võ Bùi Ngọc C.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo, nhưng còn vi phạm thời hạn xử lý đơn; việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GĐ) năm 2014 và quy định tại các điều 85, 89, 91, 92, 93 và 94 của Luật HN&GĐ năm 2000 để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị cho anh D được ly hôn chị T; về con chung: đề nghị giao cháu C cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành; tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét; về án phí: anh D chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự được công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: anh Võ Hùng D khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Bùi Thị T và yêu cầu được giao quyền nuôi con chưa thành niên nên xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng

dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó anh D là nguyên đơn, chị T là bị đơn; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM.

Nguyên đơn (anh Võ Hùng D) có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt; bị đơn (chị Bùi Thị T) được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: anh Võ Hùng D và chị Bùi Thị T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 15/10/2012, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh D nhận thấy: theo anh D, lý do anh yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không hiểu nhau, thường xuyên bất đồng ý kiến, hay cãi nhau làm cho cuộc sống gia đình ngột ngạt; ngoài ra, mâu thuẫn trầm trọng hơn khi anh phát hiện chị T không còn chung thủy với anh dẫn đến vợ chồng ly thân. Bản thân chị T cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhưng chị xác định chưa bao giờ vợ chồng xô xát với nhau; tuy vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay nhưng chị vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, do trong quá trình vợ chồng chung sống đã nảy sinh nhiều bất đồng, nhưng vợ chồng không cùng nhau tìm ra phương pháp giải quyết nên đã dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng; đồng thời, do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, anh D cho rằng chị T không chung thủy nhưng không đưa ra được căn cứ xác thực khiến cho mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn; tuy chị T cho rằng vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn nhưng lại không yêu cầu Tòa án hàn gắn tình cảm; không những vậy, khi Tòa án tiến hành hòa giải lại cố tình vắng mặt, không thật sự mong muốn hòa giải. Từ những chứng cứ nêu trên, thấy rằng mâu thuẫn giữa anh D và chị T đã tới mức trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh D được ly hôn chị T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: anh D và chị T đều có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên; xét thấy: cháu Võ Bùi Ngọc C, sinh ngày 08/10/2012 có nguyện vọng tiếp tục được sống cùng với cha nên HĐXX quyết định giao cháu C cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời chị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu C.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: do không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: anh D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng, pháp luật áp dụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 51, 53, 131 của Luật HN&GĐ năm 2014 và các điều 89, 92, 93, 94 của Luật HN&GĐ năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Võ Hùng D được ly hôn chị Bùi Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Bùi Ngọc C, sinh ngày 08/10/2012 cho anh Võ Hùng D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Tạm thời chị Bùi Thị T không phải cấp dưỡng cho cháu Võ Bùi Ngọc C

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản; và khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: anh Võ Hùng D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh D đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002029 ngày 30/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; anh D đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Hà Thế Nam

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VSKND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Lưu HS, AV.